TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**43**/2021/DS-PT
Ngày 05– 4 – 2021
V/v "Tranh chấpHợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
*Các Thẩm phán:*Ông Nguyễn Văn Nhân
Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và ngày 05 tháng 4năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 20/2021/DSPT ngày 24/02/2021 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.Do Bản án số19/2020/DS-STngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bịkháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXPT-DS ngày19 tháng 3năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, Bình Phước
- *Bị đơn:* Bà Trần Thu Th, sinh năm 1979 (Có mặt)
Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1975 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền của ông Nh: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).
- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đinh Văn Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020, các lời khai lưu tại hồ sơ và tại phiên tòa,nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:***

Bà Võ Thị H và bà Trần Thu Th, ông Đinh Văn Nh là chỗ quen biết, do tin tưởng nên vào ngày 10/11/2019, bà H có cho bà Th và ông Nh vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Thời gian

vay từ ngày 10/11/2019 đến ngày 18/11/2019 với lãi suất là 2%/tháng. Các bên có lập giấy vay tiền với nhau (viết bằng tay).

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì bà Trần Thu Th, ông Đinh Văn Nh vẫn không trả cho bà. Mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở bà Th, ông Nh trả số tiền trên nhưng bà Th và ông Nh vẫn không trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thu Th, ông Đinh Văn Nh phải liên đới trả số tiền vay gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất từ thời gian vay đến nay theo lãi suất của ngân hàng là 01% tháng của số vay tính tròn 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Tổng số tiền là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Bị đơn bà Trần Thu Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Bà Th đồng ý với phần trình bày của bà H về thời gian vay và số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Bà vay số tiền trên của bà H là để về mua xe khách cho ông Nh đi chở công nhân .Hiện nay vợ chồng bà Th còn nợ của bà H số tiền vay là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).Trước yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu vợ chồng bà liên đới phải trả số tiền gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) thì bà Th đồng ý.

*** Bị đơn ông Đinh Văn Nh trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nh đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông không đến. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai cũng như không thực hiện được thủ tục hòa giải đối với các đương sự.

Ngày 28/8/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Nhkhông có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/9/2020. Nhưng ông Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời trình bày của ông Nh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số19/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phướcđã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

- Buộc bà Trần Thu Th và ông Đinh Văn Nh có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Võ Thị H tổng số tiền là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/11/2020, bị đơn ông Đinh Văn Nh có đơn kháng cáo đối vớiBản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc buộc ông Đinh Văn Nh liên đới trả số tiền vay gốc và lãi suất là 184.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đinh Văn Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn Nh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn bà Trần Thu Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị H tổng số tiền là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H căn cứ vào Giấy vay tiền được lập ngày 10/11/2019 để làm chứng cứ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th, ông Nh cùng liên đới trả nợ.Bà H thừa nhận: Tại giấy vay tiềntrên mặc dù không có chữ ký của ông Nh, khi vay tiền chỉ có một mình bà Th vay và nhận tiền còn ông Nh không đi vay cùng bà Th, không ký vào giấy vay tiền, không trực tiếp nhận tiền vay.Song theobà Thvay tiền là để mua xe cho ông Nh chở công nhân đi làm để phát triển kinh tế gia đình nênbà H yêu cầu cả bà Th và ông Nh phải liên đới trả nợ cho bà.

[2] Căn cứ Giấy vay tiền (bút lục 03) được lập ngày 10/11/2019 với nội dung:"…*họ tên chồng Đinh Văn Nh, họ tên vợ Trần Thu Th có mượn của bà Võ Thị H số tiền 170.000.000 đồng, hẹn đến 18/10/2019 sẽ hoàn trả số tiền trên*" và ký người cho vay Võ Thị H và người vay vợ Trần Thị Th. Tuy nhiên tại giấy vay tiềntrên không có chữ ký của ông Nh. Thời gian cho vay và thời gian trả nợ mâu thuẫn, không phù hợp về quy luật thời gian, cụ thể vay tháng 11/2019 nhưng trả nợ lại là tháng 10/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H cũng thừa nhận ông Nh không ký vào giấy vay, không trực tiếp nhận tiền vay mà bà H đưa tiền vay cho bà Th. Ngoài ra, bà H và bà Thcòn thay đổi lời khai về thời điểm cho vay là từ tháng 02/2019 nhưng đến tháng 11/2019 bà Th trả lãi nên hai bên thống nhất ghi lại số tiền nợ gốc chứ không phải ngày vay tiền là ngày 10/11/2019 như giấy vay nợ đã thể hiện.

Điều đó chứng tỏ, giấy vay tiền đề ngày 10/11/2019mà nguyên đơn bà H sử dụng làm căn cứ khởi kiện là văn bản giả tạo nên không được coi là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, bởi lẽ: "*Chứng cứ .....là những gì có thật….được giao nộp theo trình tự, thủ tục do Bộ luật quy định…..và được Tòa án sử dụng làm căn cứ xác định các tình tiết khách quan của vụ án*". Tuy nhiên, do bị đơn bà Th thừa nhận khoản vay này nên cần ghi nhận trách nhiệm trả nợ của bà Th đối với nguyên đơn Hằng. Riêng trách nhiệm liên đới của bị đơn ông Nhcần xem xét:

Theo quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể như sau: *"**Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:***

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…"

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H và bị đơn bà Th đều cho rằng mục đích cho vay và vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, nhưng đến phiên tòa phúc thẩm lại cho rằng để mua xe ô tô cho ông Nh chở công nhân đi làm. Lời trình bày của bà H, bà Thtrước sau bất nhất và không được ông Nh thừa nhận.

Ông Nh cho rằng tuy ông và bà Th là vợ chồng, nhưng việc vợ ông vay tiền của bà H ông không biết, không ký tên vào giấy vay. Ông có mua xe của ông Vũ Văn Quang và cung cấp giấy xác nhận của ông Quang xác nhận có bán xe 29 chổ ngồi biển kiểm soát 51B-14200 cho ông Nh vào tháng 3/2019,ông Nh đã trả đủ tiền cho ông Quang.Còn bà Th vay tiền của bà H vào tháng 11/2019.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, ông Nh còn cung cấp cho Tòa án khoản vay khác 310.000.000đ mà bà Th vay của ông Nguyễn Hữu A (theo hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ), nhưng ông Nh không hề hay biết, cũng không ký vào giấy vay, khoản vay trên cũng giống như khoản vay của bà H, khi được hỏi bà Th cũng không chứng minh được việc vay tiền nhằm sử dụng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà Thcho rằng vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu gia đình từ đó áp dụng Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân gia đình tuyên buộc ông Nh liên đới trả số tiền 184.000.000 đồng là chưa phù hợp. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơnông Nh,sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Thcó nghĩa vụ trả bà H tổng số tiền gốc và lãi là 184 triệu đồng là phù hợp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên được tính lại như sau:

- Bà Võ Thị H không phải chịu án phí. Trả lại bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thu Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ông Đinh Văn Nh không phải chịu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nh không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn Nh.

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H;

- Buộc bà Trần Thu Th có nghĩa vụ phải trả cho bà Võ Thị H tổng số tiền là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị H không phải chịu án phí. Trả lại bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011659 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Bà Trần Thu Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ông Đinh Văn Nh không phải chịu án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đinh Văn Nh không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Nh số tiền 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012038 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Viết Phong